TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Khắc Hiệp**

2. Ông **Trần Thanh Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Nguyễn Nhứt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Bình**– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 159/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1993; Trú tại: Số A, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1991; Trú tại: Số C, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Bà L và ông Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre vào năm 2014. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung và hay cãi nhau. Bà L đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Do không còn tình cảm với ông H nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Trần Văn H, bà L không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà L yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Chí T, sinh ngày 13/12/2014 và Trần Chí T1, sinh ngày 21/3/2017; không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, sẽ yêu cầu cấp dưỡng sau.

Về tài sản chung: nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L có đơn yêu cầu vắng mặt nên không có lời trình bày phiên tòa.

Ông Trần Văn H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà L và ông H đã đến mức trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông H, không cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung: Bà L được nuôi con chung tên Trần Chí T, sinh ngày 13/12/2014 và Trần Chí T1, sinh ngày 21/3/2017, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung do bà L tự nguyện không yêu cầu; tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L có yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông Trần Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông H là phù hợp với Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Trần Văn H có nơi cư trú tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre vào năm 2014 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà L, sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc

được thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Ông Trần Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Điều này cho thấy ông H đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện được mong muốn được đoàn tụ vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 08/6/2023, bà Nguyễn Thị Bích N là chị ruột của bà L trình bày ông H và bà L thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc (BL29). Bản thân bà L vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H. Chứng tỏ việc hàn gắn tình cảm cho bà L và ông H không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà L và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông H là phù hợp quy định pháp luật. Bà L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận; ông H vắng mặt nên không có lời trình bày đối với yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên không xét đến.

[4] Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung tên Trần Chí T, sinh ngày 13/12/2014 và Trần Chí T1, sinh ngày 21/3/2017. Bà L có yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Xét việc giao con chung cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. bà L có công việc và thu nhập ổn định, con chung vẫn được bà L chăm sóc, phát triển bình thường. Tại biên bản xác minh ngày 08/6/2023, bà Nguyễn Thị Bích N xác nhận bà L làm công việc may gia công và chăn nuôi , thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi con. Tại biên bản hỏi ý kiến ngày 29/5/2023, cháu Trần Chí T có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo việc phát triển đầy đủ mọi mặt, đảm bảo ổn định về mặt tâm lý và tinh thần cho con chung nên giao cháu Trần Chí T, sinh ngày 13/12/2014 và Trần Chí T1, sinh ngày 21/3/2017 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: bà L khai không có, ông H vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích L đối với ông Trần Văn H. Bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với ông Trần Văn H. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích L và ông Trần Văn H chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn; ông H vắng mặt nên không có lời trình bày đối với yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên không xét đến.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích L được tiếp tục nuôi cháu Trần Chí T, sinh ngày 13/12/2014 và Trần Chí T1, sinh ngày 21/3/2017; ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Bích L tự nguyện không yêu cầu.

Ông Trần Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên cha mẹ, cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích L khai không có, ông H vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0005747 ngày 17/5/2023 Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị Bích L đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- UBND xã Mỹ An;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Huỳnh Minh Hiền